TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1165/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Huy Hoàng

2. Ông Đặng Văn Ẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy **–** *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 620/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 444/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Bích L**, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Nhựt T**, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 11/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Nguyễn Bích L trình bày:

Bà và ông Huỳnh Nhựt T chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2000 tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, Quận Bình Tân), Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp. Dẫn đến bà dẫn con về Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Nhựt T.

Về con chung: Bà và ông T chung sống có hai con chung tên Huỳnh Anh P (nam), sinh năm 2000, đã thành niên và Huỳnh Anh Đ (nam), sinh ngày 19/9/2008. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Đ, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho ông Huỳnh Nhựt T gồm: thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Nhựt T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa thì ông Huỳnh Nhựt T có đến tham gia phiên tòa và trình bày ý kiến của mình như sau:

Ông và bà L tự quen biết, chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, Quận Bình Tân), Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà L dẫn con trai út tên Huỳnh Anh Đ, sinh năm 2008 về địa chỉ Phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sinh sống cho đến nay, ông và bà L đã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về con chung: ông và bà L chung sống có hai con chung tên Huỳnh Anh P (nam), sinh năm 2000, đã thành niên và Huỳnh Anh Đ (nam), sinh ngày 19/9/2008. Hiện trẻ Đ đang sống với bà L, còn trẻ Phúc đã trưởng thành và đi làm. Ông có ý kiến trẻ Đ muốn sống với bà L thì bà L nuôi, còn ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: có 01 căn nhà đang tọa lạc tại xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh. Ông để cho bà L đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay trước yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý ly hôn với bà L, trường hợp ông đồng ý ly hôn với điều kiện phải chia tài sản chung của vợ chồng làm 04 phần gồm ông, bà L và hai con chung.

Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Bích L nộp đơn xin ly hôn đối với ông Huỳnh Nhựt T. Ông Huỳnh Nhựt T hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Bích L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Bích L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông Huỳnh Nhựt T đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà Nguyễn Bích L với ông Huỳnh Nhựt T nhưng đến trước ngày xét xử ông Huỳnh Nhựt T không đến Tòa án để giải quyết. Trước thời điểm xét xử Tòa án không nhận được bất kỳ đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề chia tài sản chung của ông Huỳnh Nhựt T.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 23/3/2000 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Bích L với ông Huỳnh Nhựt T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại các Điều 5, 6, 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

[5] Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà L thì vợ chồng có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp nên quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, hai bên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông T cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí để đoàn tụ, mục đích hôn nhân giữa ông T và bà L không đạt được. Tại phiên tòa, theo lời trình bày của ông T thì vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay nhưng ông T vẫn không đồng ý ly hôn vì hai bên chưa giải quyết về tài sản chung.

Như vậy, thực tế vợ chồng bà L và ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Bích L đối với ông Huỳnh Nhựt T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Bích L và ông Huỳnh Nhựt T có hai con chung tên Huỳnh Anh Đ (nam), sinh ngày 19/9/2008, Huỳnh Anh P (nam), sinh năm 2000. Con

chung Anh Phúc đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ Đ, bà không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Còn ông T có ý kiến trẻ Đ muốn sống với bà L thì bà L nuôi, còn ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời ý kiến của trẻ Huỳnh Anh Đ có nguyện vọng sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn với nhau. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Huỳnh Anh Đ cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông T.

[7] Về tài sản chung: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T có ý kiến: Về tài sản chung, đất và nhà yêu cầu chia làm bốn phần. Tuy nhiên, từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu nào L quan đến việc chia tài sản chung của ông T, tại phiên tòa ông T mới đưa ra yêu cầu L quan đến việc chia tài sản chung nên căn cứ khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về "Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn" quy định: "*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải"*.

Từ quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu về việc chia tài sản chung của ông T. Sau này bà L hay ông T có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Do bà L là nguyên đơn trong vụ án nên bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Bích L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Bích L được ly hôn với ông Huỳnh Nhựt T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 quyển số 01/2000 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh (nay là phường An Lạc, Quận Bình Tân), Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 23/3/2000 cho bà Nguyễn Bích L và ông Huỳnh Nhựt T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Bích L và ông Huỳnh Nhựt T có hai con chung tên Huỳnh Anh Đ (nam), sinh ngày 19/9/2008 và Huỳnh Anh P (nam), sinh năm 2000. Con chung Huỳnh Anh P đã trưởng thành.

Giao trẻ Huỳnh Anh Đ cho bà Nguyễn Bích L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Huỳnh Nhựt T.

Ông Huỳnh Nhựt T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Hai bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết yêu cầu về việc chia tài sản chung của ông T. Sau này bà L hay ông T có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Bích L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Nguyễn Bích L đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0040186 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; bà Nguyễn Bích L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án của bà L là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Thời hạn kháng cáo bản án của ông T là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);

- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Phạm Thị Kim Định